

Số: 114/2021/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 02 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25/5/2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1943.

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà G là bà Trương Võ Kim T2, sinh năm 1978, địa chỉ: phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long – Là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 07/12/2020.

- Bị đơn: 1/ Ông **Nguyễn Kim O**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông O là ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1965, địa chỉ: ấp N, xã H2, huyện V1, tỉnh Vĩnh Long – Là đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 29/3/2021.

2/ Bà **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị G và bị đơn ông Nguyễn Kim O, bà Nguyễn Ngọc T đối với phần đất thửa tách 19-2, tờ bản đồ 41, diện tích 1.663,7m² loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp K, xã H, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long (Theo trích đo bản đồ hiện trạng khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T1 cung cấp ngày 24/5/2021).

Ông Nguyễn Kim O, bà Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc đất: Tổng số tiền là 2.555.000đ (Hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị G tự nguyện chịu toàn bộ nhưng bà G đã nộp tạm ứng nên được khấu trừ, bà G không phải nộp tiếp.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G và bị đơn ông Nguyễn Kim O, bà Nguyễn Ngọc T mỗi bên có nghĩa vụ nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng bà G, ông O, bà T có đơn xin miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên được miễn toàn bộ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga